

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU VÀ ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ A2
THEO KHUNG THÂM CHIẾU CHÂU ÂU CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG**

Đợt thi ngày 11/12/2020

(Ban hành kèm theo QĐ số 03/QĐ-ĐHNLBG-HĐTHI ngày 04 tháng 01 năm 2021

của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả	Số vào sổ
									NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM		
I. TIẾNG ANH														
1	TA01	Đỗ Tuấn	Anh	22/04/1998	Bắc Ninh	Nam	D-CNTP6A	16DCNTP0130	12	50	14	76	A2	A0386
2	TA02	Nguyễn Tuấn	Anh	15/04/1998	Hưng Yên	Nam	D-THUY6B	16DTY0450	11	51	9	71	A2	A0387
3	TA03	Trịnh Quang	Anh	27/06/1998	Bắc Ninh	Nam	D-CNTP6A	16DCNTP0131	14	50	10	74	A2	A0388
4	TA04	Nguyễn Văn	Cương	22/07/1999	Bắc Giang	Nam	D-THUY7A	17DTY0524	16	52	12	80	A2	A0389
5	TA05	Đình Văn	Diện	23/10/1997	Nam Định	Nam	D-THUY5A	15DTY0278	17	48	5	70	A2	A0390
6	TA06	Ngô Hoàng	Dương	16/12/1996	Bắc Giang	Nam	D-THUY4C	14DTY0228	16	46	11	73	A2	A0391
7	TA08	Nguyễn Đình	Đạt	25/10/1995	Bắc Ninh	Nam	D-CNTP4A	14DCNTP0070	13	51	6	70	A2	A0392
8	TA10	Thân Thị Thúy	Hà	27/09/1997	Bắc Giang	Nữ	D-THUY5A	15DTY0585	15	46	9	70	A2	A0393
9	TA11	Nguyễn Văn	Hải	06/02/2000	Bắc Ninh	Nam	D-CNTP8A	18DCNTP0155	15	48	9	72	A2	A0394
10	TA12	Nguyễn Hữu	Hậu	03/06/1998	Hưng Yên	Nam	D-CNTY7A	17DCNTY0045	14	48	8	70	A2	A0395
11	TA13	Lê Ngọc	Hiền	09/07/2000	Bắc Giang	Nữ	D-THUY8A	18DTY0583	16	48	12	76	A2	A0396
12	TA14	Dương Ngô	Hoàng	14/07/1996	Bắc Giang	Nam	D-THUY5A	15DTY0288	13	50	12	75	A2	A0397
13	TA15	Trịnh Thị	Huế	29/08/1998	Hà Nam	Nữ	D-THUY7A	17DTY0539	19	45	11	75	A2	A0398
14	TA17	Nguyễn Huy	Hùng	07/11/1997	Bắc Ninh	Nam	D-QLTN5A	15DQLDD0420	13	46	11	70	A2	A0399
15	TA18	Vũ Mạnh	Hùng	28/08/1996	Bắc Giang	Nam	D-THUY5A	15DTY0290	16	48	11	75	A2	A0400
16	TA19	Đặng Quang	Huy	25/03/1998	Hưng Yên	Nam	D-THUY6B	16DTY0471	15	49	12	76	A2	A0401

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả	Số vào sổ
									NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM		
17	TA20	Lâm Quốc	Huy	24/08/2000	Thái Bình	Nam	D-CNTP8A	18DCNTP0157	14	44	12	70	A2	A0402
18	TA21	Phạm Ngọc	Lâm	17/09/2000	Bắc Giang	Nam	D-THUY8A	18DTY0568	19	44	9	72	A2	A0403
19	TA24	Lê Đình	Minh	22/01/1998	Bắc Ninh	Nam	D-THUY6B	16DTY0483	16	56	5	77	A2	A0404
20	TA25	Nguyễn Hồng	Minh	04/07/1996	Bắc Ninh	Nam	D-QLDD4B	14DQLDD0377	16	54	12	82	A2	A0405
21	TA26	Hoàng Giang	Nghĩa	27/07/1997	Lạng Sơn	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0027	19	46	7	72	A2	A0406
22	TA27	Đỗ Hữu	Phong	07/02/1997	Hung Yên	Nam	D-QLDD5A	15DQLDD0426	20	49	10	79	A2	A0407
23	TA28	Trần Thu	Phuong	25/10/1999	Bắc Giang	Nữ	D-QLTN7A	17DQLTN0365	20	54	11	85	A2	A0408
24	TA29	Lê Thị	Quỳnh	16/12/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0383	17	49	9	75	A2	A0409
25	TA30	Nguyễn Thị	Thanh	23/03/2000	Đắk Lắk	Nữ	D-THUY8A	18DTY0578	16	47	8	71	A2	A0410
26	TA32	Nguyễn Văn Chiến	Thắng	12/08/1999	Bắc Ninh	Nam	D-CNTY7A	17DCNTY0048	19	46	5	70	A2	A0411
27	TA33	Tổng Văn	Thịnh	13/03/1998	Bắc Giang	Nam	D-QLTNR6A	16DQLTNR0083	19	45	6	70	A2	A0412
28	TA34	Nguyễn Văn	Tới	23/05/1998	Bắc Giang	Nam	D-QLDD6A	16DQLDD0455	16	44	10	70	A2	A0413
29	TA35	Lương Huyền	Trang	16/10/1996	Yên Bái	Nữ	D-THUY4B	14DTY0260	19	45	7	71	A2	A0414
30	TA36	Dương Quang	Trường	08/11/1999	Bắc Giang	Nam	D-CNTY7A	17DCNTY0051	18	51	6	75	A2	A0415
31	TA37	Nguyễn Xuân	Trường	04/02/1998	Hà Nội	Nam	D-CNTY7A	17DCNTY0052	16	50	4	70	A2	A0416
32	TA38	Nguyễn Tuấn	Tú	08/12/1996	Bắc Ninh	Nam	D-CNTP4A	14DCNTP0116	16	54	11	81	A2	A0417
33	TA39	Nguyễn Văn	Tuấn	10/08/1999	Bắc Giang	Nam	D-CNTY7A	17DCNTY0053	18	54	9	81	A2	A0418
34	TA41	Bùi Thị Như	Ý	15/01/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0393	19	55	12	86	A2	A0419

I. TIẾNG TRUNG

1	TQ01	Nguyễn Thị	Diệu	18/10/1988	Bắc Ninh	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0369	97	92	-	189	A2	A0420
2	TQ02	Nguyễn Thu	Hằng	11/06/1999	Hà Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0532	94	84	-	178	A2	A0421
3	TQ03	Đỗ Hoàng Minh	Phuong	13/09/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0381	94	100	-	194	A2	A0422

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả	Số vào sổ
								NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM		
4	TQ04	Dương Thị Quỳnh	04/07/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0382	94	88	-	182	A2	A0423
5	TQ05	Vũ Ngọc Quỳnh	21/10/2001	Hòa Bình	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0460	94	88	-	182	A2	A0424
6	TQ06	Nguyễn Hoàng Phú Thanh	14/06/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0384	94	100	-	194	A2	A0425
7	TQ07	Nguyễn Thị Thảo	15/10/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0385	88	96	-	184	A2	A0426
8	TQ08	Vũ Thị Tố Trinh	15/09/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0467	77	88	-	165	A2	A0427

Tổng số thí sinh theo danh sách: 42./.